TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 18 - 02 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tĩnh;

2/ Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang–Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

- **Phạm Thị D;** sinh năm 1983 tại Campuchia;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Tr, xã Th, huyện Ch, tỉnh TN; Chỗ ở hiện nay: Số 100, Quốc lộ 1A, Phường X, thành phố T, tỉnh L; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn S, sinh năm 1942 và bà Ngô Thị T, sinh năm 1949; Có chồng tên Nguyễn Văn C (đã ly hôn) và có 02 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại điều tra *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- Bị hại:

+ Anh Võ Minh H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 5/5, ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh TG *(Có mặt);*

+ Chị Lê Thị K, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 193/3, ấp Me, thị trấn Tân Hiệp, huyện Ch, tỉnh TG *(Vắng mặt);*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị D sống cùng dãy trọ với vợ chồng anh Võ Minh H và chị Lê Thị K tại nhà trọ Bảy Toàn 2, địa chỉ Số 100, Quốc lộ 1A (tuyến tránh), Phường X, thành phố T, tỉnh L. Khoảng 22 giờ ngày 30/10/2019 khi đang ở phòng trọ số 18, D nghe tiếng cãi giữa anh Võ Minh H và chị Lê Thị K tại phòng trọ số 05. Lúc này, D đi qua phòng trọ số 05 để can ngăn và đi lên gác để nói chuyện với chị Khanh, còn anh Huy thì bế con ra ngoài. Lúc D đi xuống gác thì thấy có 01 tủ nhựa có nhiều hộc nằm bên phải chân cầu thang lên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D kéo hộc đầu tiên trên cùng của tủ nhựa ra thì phát hiện bên trong có 01 hộp nhựa màu đỏ để trong góc, D biết hộp nhựa chứa vàng nên sử dụng tay phải lấy hộp nhựa và giấu vào trong bên lưng quần hông trái. Sau khi lấy được tài sản D đi ra sau nhà trọ tìm nơi khuất để hộp nhựa đựng vàng xuống và lấy thùng nhựa đè lên rồi đi về phòng của mình. Sau khi phát hiện mất tài sản anh Võ Minh H và chị Lê Thị K đã trình bày Công an, khi Công an mời làm việc thì D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 Sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 04 chỉ 99.

- 01 Sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 40.

- 01 Vòng đeo tay vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 07.

- 01 Mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 phân 99.

- 01 Nhẫn vàng 18K trọng lượng 02 chỉ 04

- 01 Đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 04 phân 06.

Tại Kết luận định giá tài sản số 357/KL-HĐĐG ngày 31/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T xác định số vàng trên có tổng giá trị là 30.586.000đ. Các tài sản trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T đã trả cho bị hại là anh Võ Minh H và chị Lê Thị K.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSTA-HS ngày 14/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Phạm Thị D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị D thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, người bị hại anh Võ Minh H có ý kiến là đã nhận lại các tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bị hại chị Lê Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong giai đoạn điều tra, chị có ý kiến là đã nhận lại các tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng đến 48 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Võ Minh H và chị Lê Thị K không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

Buộc bị cáo Phạm Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết mình sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có thời gian chăm sóc con còn nhỏ và điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo;

người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Người bị hại, chị Lê Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy trong giai đoạn điều tra đã thể hiện đầy đủ lời khai và ý kiến của đương sự này nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị D khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 30/10/2019 Phạm Thị D đã lén lút lấy trộm tài sản của anh Võ Minh H và chị Lê Thị K. Tài sản lấy trộm gồm: 01 Sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 04 chỉ 99; 01 Sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 40; 01 Vòng đeo tay vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 07; 01 Mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 phân 99; 01 Nhẫn vàng 18K trọng lượng 02 chỉ 04; 01 Đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 04 phân 06, tổng giá trị tài sản là 30.586.000đ. Tại cơ quan CSĐT- Công an thành phố T, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị D đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh nêu trên là đúng người đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì tham lam, thích hưởng lợi bất chính trên thành quả lao động của người khác nên đã lợi dụng sự sơ hở bất cẩn của người khác để chiếm đoạt tài sản với giá trị 30.586.000đ, hành vi của bị cáo gây hậu quả xấu cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo

cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính đang nuôi 02 con nhỏ, bị cáo hiện đang bị bệnh ung thư vú và bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51, có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo đủ điều kiện áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát giáo dục cũng đủ răn đe giáo dục chung cũng như tạo điều kiện để giúp đỡ bị cáo sửa chữa lỗi lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội, hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Võ Minh H và chị Lê Thị K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 Sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 04 chỉ 99; 01 Sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 40; 01 Vòng đeo tay vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 07; 01 Mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 phân 99; 01 Nhẫn vàng 18K trọng lượng 02 chỉ 04; 01 Đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 04 phân 06. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về hình phạt bổ sung: Đối với tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017) nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang nuôi con nhỏ và đang điều trị bệnh nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Phạm Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị D cho Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố T, tỉnh L nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa. Buộc bị cáo Phạm Thị D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được cấp tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận :
-TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CA Tp T
- Chi cục THA Tp T;
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- UBND Phường X, Tp T;
- Bị cáo; Đương sự;
-Lưu hồ sơ; VP./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Phan